

Bản án số: 46/2025/HS-ST
Ngày 25-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hà và ông Nguyễn Quang Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Mai Quốc Đ, sinh ngày 09-8-1981 tại tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là xóm T, xã Y, tỉnh Ninh Bình); tạm trú: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là Thôn 11, xã N, tỉnh Lâm Đồng); nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Quốc H và bà Nguyễn Thị Th; có vợ là Lương Thị K và 03 con (lớn nhất sinh năm 2013 và nhỏ nhất sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không; tại ngoại - Có mặt.

2. Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 15-12-1985 tại tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ); nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 04, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (nay là Tổ 04, phường N, tỉnh Lâm Đồng); tạm trú: Tổ 03, phường N1, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (nay là Tổ 03, phường N, tỉnh Lâm Đồng); nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu K và bà Nguyễn Thị Nhâm D; có chồng là Nguyễn Văn C (đã ly hôn năm 2019) và 02 con (lớn sinh năm 2009 và nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: không; tại ngoại - Có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Chi cục Thuế Khu vực ĐT (nay là Thuế Cơ sở Q, tỉnh Lâm Đồng); địa chỉ: xã K, tỉnh Lâm Đồng - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Công ty TNHH MTV CD1 (viết tắt là Công ty CD1), mã số thuế (viết tắt là MST) 6400284389 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 18-4-2013; đăng ký thay đổi lần 2 ngày 14-12-2020, trụ sở chính tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; ngành nghề kinh doanh gồm xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, khai thác đá, sửa chữa máy móc, mua bán thiết bị in ấn... với vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng, do Mai Quốc Đ làm Giám đốc. Quá trình hoạt động, Đ thuê Nguyễn Thị Phương T làm nhân viên kế toán có nhiệm vụ báo cáo, kê khai thuế cho Công ty; giao bà Lương Thị K (vợ của Đ) làm thủ quỹ của Công ty; thuê ông Nguyễn Đăng Th (địa chỉ: Tổ 02, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông) quản lý, chăm công, giám sát quá trình thi công và thuê một số công nhân thời vụ khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông để thi công công trình.

2. Năm 2022, Công ty CD1 nhận làm nhà thầu phụ cho Công ty Cổ phần chế tạo HCN Việt Nam; địa chỉ: Tầng 03 Tòa tháp khách sạn, số 36 đường L, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội thi công các hạng mục: Khu trạm điện, Khu vực xưởng luyện, Khu vực xử lý khí, Xưởng điện cực Anode, Xưởng đúc, các Công trình phụ trợ và thi công kết cấu thép thuộc Công trình Nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông do Công ty TNHH Luyện kim THQ làm chủ đầu tư theo Hợp đồng thầu phụ thi công xây dựng số 2022 ngày 02-8-2022, Phụ lục Hợp đồng số II ngày 10-11-2022 giá trị thi công 55.714.285.451 đồng. Trong đó, Công ty Cổ phần chế tạo HCN Việt Nam cung cấp vật tư chính như bê tông, thép xây dựng, thép tấm; Công ty CD1 trực tiếp thi công và cung cấp các vật tư phụ còn lại (gồm thạch cao, thiết bị vệ sinh, sơn nước, tấm ốp bê tông...) giá trị 26.829.311.848 đồng. Để thi công công trình trên, Đ đã thuê các nhân công lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và mua, thuê máy móc, phương tiện, nguyên vật liệu của một số cá nhân, cửa hàng trên địa bàn thành phố G và huyện Đ hoặc mua trên mạng xã hội (không nhớ thông tin đơn vị cung cấp). Đồng thời, Đ trực tiếp giám sát hoặc giao cho ông Nguyễn Đăng Th hướng dẫn, giám sát, chăm công hàng ngày đối với các nhân công tham gia thi công để bà Lương Thị K chi trả lương. Các ngày 08, 30-11, 27-12-2022 và 29-3-2023 Công ty Cổ phần chế tạo HCN Việt Nam nghiệm thu, quyết toán giá trị khối lượng công việc, giá trị nguyên vật liệu Công ty CD1 thực hiện, cung cấp 26.829.311.848 đồng. Công ty CD1 xuất 04 hóa đơn GTGT cho Công ty Cổ phần chế tạo HCN Việt Nam, gồm: Hóa đơn số 22 ngày 08-11-2022 giá trị 8.425.331.034 đồng; hóa đơn số 26 ngày 30-11-2022 giá trị 5.960.243.333 đồng; hóa đơn số 43 ngày 27-12-2022 giá trị 12.429.884.150 đồng, hóa đơn số 03 ngày 29-3-2023 giá trị 13.853.331 đồng. Sau khi trừ số tiền 1.112.668.072 đồng tiền vật liệu thép do Công ty Chế tạo HCN Việt Nam cung cấp cho Công ty CD1 Công ty chế tạo HCN Việt Nam chuyển khoản thanh toán cho Công ty CD1 số tiền 25.716.643.776 đồng qua tài khoản của Công ty CD1.

3. Do việc sử dụng nhân công, nguyên liệu, máy móc không có hóa đơn GTGT để hợp thức hóa các chi phí đầu vào, mục đích để kê khai khấu trừ thuế, làm giảm số thuế GTGT mà Công ty CD1 phải nộp cho Nhà nước trong năm 2022, Đ đã chỉ đạo Nguyễn Thị Phương T mua, sử dụng hóa đơn GTGT không để kê khai, báo cáo thuế. Sau khi được Đ chỉ đạo, khoảng tháng 3 năm

2022, T sử dụng facebook có tên “TViolet” lên mạng xã hội tìm kiếm các địa chỉ bán hóa đơn GTGT không (không nhớ địa chỉ) để liên hệ, mua hóa đơn GTGT. Sau đó, có đối tượng nam giới (không rõ thông tin, lai lịch) liên hệ, trao đổi với T về việc có thể xuất được hóa đơn GTGT không với phí bán hóa đơn khoảng 04% -05% giá trị hàng hóa trước thuế (T đã báo được Đ đồng ý). Căn cứ vào số lượng, đơn giá các loại hàng hóa nguyên liệu do Đ cung cấp, T trao đổi, thống nhất với đối tượng bán hóa đơn về giá trị, mặt hàng cần xuất hóa đơn. Ngay sau đó, đối tượng bán hóa đơn thông báo T biết các công ty đã xuất hóa đơn cho Công ty CD1, đồng thời gửi hồ sơ (hợp đồng mua bán, kinh tế, Biên bản giao nhận hàng hóa...) cho T qua xe khách (không nhớ biển kiểm soát) đã được đại diện các công ty ký tên, đóng dấu sẵn. Lúc này, T lên hệ thống hóa đơn điện tử tải các hóa đơn để phục vụ cho việc kê khai thuế; lập thêm các chứng từ như phiếu nhập kho, biên bản giao nhận hàng hóa và ký xác nhận ở phần người lập phiếu, người nhận hàng và đưa cho bà Lương Thị K ký xác nhận để đảm bảo thủ tục hồ sơ. Đối với các hóa đơn có giá trị trên 20.000.000 đồng, đối tượng bán hóa đơn gửi số tài khoản của các công ty bán hóa đơn cho T để Công ty CD1 chuyển khoản thanh toán (T và Đ sử dụng 02 tài khoản của Công ty CD1 mở tại Ngân hàng B và Ngân hàng V Chi nhánh Đắk Nông để Đ ký ủy nhiệm chi cho T liên hệ các ngân hàng trên chuyển khoản hoặc Đ trực tiếp chuyển khoản online bằng điện thoại thanh toán). Sau khi trừ phí bán hóa đơn theo thỏa thuận trước đó, đối tượng bán hóa đơn trả lại tiền mặt cho T (T đưa lại cho Đ); các hóa đơn có giá trị dưới 20.000.000 đồng, chi phí mua hóa đơn được thanh toán trực tiếp (T hợp thức bằng việc lập phiếu chi tiền mặt và đưa cho bà Lương Thị K, ông Nguyễn Đăng Th ký xác nhận).

4. Từ tháng 3 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022, T liên hệ đối tượng trên để mua 16 hóa đơn GTGT của 07 công ty trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để hợp thức chi phí đầu vào đối với nguyên liệu, máy móc với tổng giá trị 680.806.000 đồng (gồm giá trị hàng hóa trước thuế 622.544.000 đồng, giá trị thuế GTGT 58.262.000 đồng), cụ thể:

4.1. 01 hóa đơn GTGT giá trị 119.340.000 đồng (gồm giá trị chưa thuế 110.500.000 đồng, thuế GTGT 8.840.000 đồng) của Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh NKA (Công ty NKA); địa chỉ: Số 13 Khu A, đường P, Phường 6, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. 04 hóa đơn GTGT có tổng giá trị 87.126.600 đồng (gồm giá trị chưa thuế 79.206.000 đồng, thuế GTGT 7.920.600 đồng) của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ LL (Công ty LL); địa chỉ: Số 71/22, đường N, Ấp 1, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.3. 01 hóa đơn GTGT có giá trị 159.530.800 đồng (gồm giá trị chưa thuế 145.028.000 đồng, thuế GTGT 14.502.000 đồng) của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ hàng hóa TV (Công ty TV); địa chỉ: Số 1225/37, đường P, Phường 5, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.4. 01 hóa đơn GTGT có giá trị 8.510.400 đồng (gồm giá trị chưa thuế 7.880.000 đồng, thuế GTGT 630.400 đồng) của Công ty TNHH Thương mại dịch

vụ cơ khí máy móc LT (Công ty LT); địa chỉ: Số 128, đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.5. 01 hóa đơn GTGT giá trị 15.950.000 đồng (gồm giá trị chưa thuế 14.500.000 đồng, thuế GTGT 1.450.000 đồng) của Công ty TNHH TMDV xây dựng PHP (Công ty PHP); địa chỉ: Số 137/15, đường T, Phường 14, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.6. 05 hóa đơn GTGT có tổng giá trị 87.739.200 đồng (gồm giá trị chưa thuế 81.240.000 đồng, thuế GTGT 6.499.200 đồng) của Công ty TNHH Vật tư thiết bị công nghiệp NN (Công ty NN); địa chỉ: Số 165/57, đường T, Phường 14, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.7. 03 hóa đơn GTGT có tổng giá trị 202.609.000 đồng (gồm giá trị chưa thuế 184.190.000 đồng, thuế GTGT 18.419.000 đồng) của Công ty TNHH Thiết kế nội thất và Vật liệu xây dựng MC (Công ty MC); địa chỉ: Số 904/14, đường L, Phường 15, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ngoài ra, với cách thức như trên, trong thời gian từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022, Đ và T thông qua đối tượng tên Tâm (không rõ nhân thân, lai lịch, sử dụng số điện thoại 0934.820.326, địa chỉ gmail chitam11022@gmail.com) mua 55 hóa đơn GTGT không với tổng giá trị là 26.892.659.255 đồng (gồm giá trị chưa thuế 24.852.750.750 đồng, thuế GTGT 2.039.908.500 đồng) của 11 Công ty trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh với mức phí 4,5% - 5% giá trị hàng hóa chưa tính thuế để kê khai thuế đối với chi phí nhân công, nguyên vật liệu trong quá trình thi công công trình trên, cụ thể:

5.1. 05 hóa đơn GTGT có tổng giá trị 3.365.001.735 đồng (gồm giá trị chưa thuế 3.115.742.347 đồng, thuế GTGT 249.259.388 đồng) của Công ty TNHH Xây dựng TMDV vận tải ĐK (Công ty ĐK); địa chỉ: Tầng 1, Số 197 H, T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.2. 09 hóa đơn GTGT có tổng giá trị 6.424.951.652 đồng (gồm giá trị chưa thuế 5.949.029.308 đồng, thuế GTGT 475.922.344 đồng) của Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng TT (Công ty TT); địa chỉ: Số 2251/6/4A, đường H, Khu phố 7, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.3. 07 hóa đơn GTGT có tổng giá trị 4.351.454.742 đồng (gồm giá trị chưa thuế 4.029.124.762 đồng, thuế GTGT 322.329.980 đồng) của Công ty Công ty TNHH Phát triển địa ốc đầu tư xây dựng OL (Công ty OL), địa chỉ: Số 102/11/57, đường Liên khu 4-5, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.4. 09 hóa đơn GTGT có tổng giá trị 6.454.505.009 đồng (gồm giá trị chưa thuế 5.976.393.528 đồng, thuế GTGT 478.111.481 đồng) của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và Dịch vụ HT (Công ty HT); địa chỉ: Số 1414, đường L, Phường 13, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.5. 01 hoá đơn GTGT có giá trị 106.920.000 đồng (gồm giá trị chưa thuế 99.000.000 đồng, thuế GTGT 7.920.000 đồng) của Công ty TNHH Xây dựng thương mại F5 F (Công ty F); địa chỉ: Số 384, đường H, Phường 6, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.6. 06 hoá đơn GTGT có tổng giá trị 501.897.652 đồng (gồm giá trị chưa thuế 458.127.738 đồng, thuế GTGT 43.769.914 đồng) của Công ty TNHH Cơ

khí máy móc và sắt thép AZ (Công ty AZ); địa chỉ: Số 219A, đường N, Phường 12, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.7. 04 hoá đơn GTGT có tổng giá trị 56.052.000 đồng (gồm giá trị chưa thuế 51.900.000 đồng, thuế GTGT 4.152.000 đồng) của Công ty TNHH thương mại máy móc ST (Công ty ST); địa chỉ: C10, Rio Vista, Số 72, đường D, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.8. 02 hoá đơn GTGT có tổng giá trị 458.308.800 đồng (gồm giá trị chưa thuế 424.360.000 đồng, thuế GTGT 33.948.800 đồng) của Công ty TNHH thương mại và sản xuất TQ (Công ty TQ); địa chỉ: Số 01, đường C, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.9. 01 hoá đơn GTGT có giá trị 478.645.200 đồng (gồm giá trị chưa thuế 443.190.000 đồng, thuế GTGT 35.455.200 đồng) của Công ty TNHH ĐT và PT LG; địa chỉ: Số 204-206, đường V, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.10. 04 hoá đơn GTGT có tổng giá trị 2.457.290.699 đồng (gồm giá trị chưa thuế 2.247.004.987 đồng, thuế GTGT 210.285.712 đồng) của Công ty TNHH mua bán vật liệu xây dựng và vận chuyển HN (Công ty HN); địa chỉ: Số 18a, đường N, phường P, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.11. 07 hoá đơn GTGT có tổng giá trị 2.237.631.766 đồng (gồm giá trị chưa thuế 2.058.878.080 đồng, thuế GTGT 178.753.686 đồng) của Công ty TNHH Vật liệu và Xây dựng M (Công ty M); địa chỉ: Số 89/20, đường P, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Sau khi mua được hóa đơn GTGT không, Đ chỉ đạo T sử dụng, kê khai báo cáo thuế trong các quý 1, 2, 3 và 4 năm 2022 của Công ty CD1 tại Chi cục Thuế khu vực ĐT và được chấp nhận khấu trừ thuế GTGT. Tháng 4 năm 2024, Cục thuế tỉnh Đắk Nông thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế tại Công ty CD1 trong năm 2022 theo Quyết định thanh tra thuế số 38 ngày 01-4-2024 của Cục thuế tỉnh Đắk Nông. Kết quả thanh tra, Cục Thuế tỉnh Đắk Nông nhận thấy Công ty CD1 sử dụng 72 hoá đơn GTGT của 19 Công ty trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh kê khai thuế trong năm 2022 có dấu hiệu rủi ro về thuế nên ban hành Công văn số 1137 chuyển nội dung vụ việc (kèm theo hồ sơ thanh tra) cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông. Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông tiếp nhận hồ sơ Đ và T nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật nên tháng 9 năm 2024, Đ chỉ đạo T tự nguyện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm đối với 71 hóa đơn GTGT nêu trên và nộp lại số tiền thuế 3.378.997.863 đồng vào ngân sách Nhà nước, gồm: 2.102.878.885 đồng thuế GTGT và 1.276.118.978 đồng thuế TNDN (do Công ty CD1 tự xác định) theo các Giấy nộp tiền, gồm số 47740494 ngày 01-9-2024, số 4741376 ngày 02-9-2024, số 4766971, 4806178 ngày 04-9-2024 và số 476006 ngày 06-9-2024.

7. Bản kết luận giám định ngày 22-11-2024 và ngày 19-5-2025 của Cục thuế tỉnh Đắk Nông kết luận: Tại thời điểm kê khai ban đầu, Công ty CD1 đã sử dụng 71 hóa đơn GTGT không của 18 Công ty (có địa chỉ nêu trên) để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào làm giảm số thuế GTGT phải nộp, gây thiệt hại về thuế GTGT cho nhà nước với số tiền thuế 2.098.170.505 đồng; không đủ cơ sở để xác định số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp gây thiệt hại cho nhà nước.

8. Cáo trạng số 49/CT-VKSĐN-P1 ngày 24-6-2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông (nay là Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng):

8.1. Truy tố các bị cáo Mai Quốc Đ và Nguyễn Thị Phương T về tội “*Trốn thuế*” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự.

8.2. Đối với hành vi của Lương Thị K và Nguyễn Đăng Th đã ký xác nhận theo yêu cầu của Nguyễn Thị Phương T vào một số chứng từ (phiếu chi tiền, phiếu nhập kho) liên quan đến các hóa đơn GTGT không của các Công ty (PHP, MC, N, LL, LT, NKA, ST, M, AZ). Kết quả điều tra đã chứng minh được các đối tượng này không có vai trò đồng phạm, vì vậy không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

8.3. Đối với các cá nhân đứng tên Giám đốc, thành viên của các Công ty TT, HT, ĐK, M, HN, Funiture, MC, NKA, LT, LL có hành vi hợp đồng thi công, mua bán hóa đơn với Công ty CD1. Tuy nhiên, kết quả điều tra chứng minh những người nêu trên bị đối tượng chưa xác minh được lý lịch sử dụng thông tin cá nhân trái phép để thực hiện hành vi trái pháp luật, không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm.

8.4. Các đối tượng sử dụng trái phép thông tin của các cá nhân để thành lập các Công ty: OL, ĐK, TT, LG, PHP, TV, AZ, NN, ST, TQ đã xuất 71 hóa đơn GTGT không cho Công ty CD1 và Võ Tuấn D, Huỳnh Thanh T, Nguyễn Thị Chiếm L, Che Toàn L, Nguyễn Chí Tr là những người rút tiền từ tài khoản của các công ty xuất hóa đơn cho Công ty CD1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông áp dụng đầy đủ các biện pháp điều tra theo quy định của pháp luật nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của những đối tượng này. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định tách hành vi, tài liệu liên quan đến hành vi “*Mua bán trái phép hóa đơn*” cho Công ty CD1, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Tại phiên tòa, Mai Quốc Đ và Nguyễn Thị Phương T khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi như nội dung cáo trạng và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông (nay là tỉnh Lâm Đồng) truy tố các bị cáo về tội “*Trốn thuế*” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, không oan. Ngoài ra, bị cáo Đ trình bày hiện nay Công ty CD1 đang hoạt động bình thường; bị cáo T đang làm kế toán cho Công ty CD1 và được trả tiền công theo hợp đồng lao động 12.000.000đồng/tháng.

10. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Mai Quốc Đ và Nguyễn Thị Phương T về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

10.1. Áp dụng khoản 3 Điều 200; các điểm b, s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Mai Quốc Đ từ 2.000.000.000đồng đến 2.500.000.000đồng sung ngân sách Nhà nước.

10.2. Áp dụng khoản 3 Điều 200; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Phương T từ 500.000.000đồng đến 600.000.000đồng sung ngân sách Nhà nước.

10.3. Về xử lý vật chứng, Biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Không đề cập xem xét.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận và trình bày: bản thân đã nhận thức được hành vi phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ, kết quả giám định của cơ quan thuế, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Các bị cáo phải biết, pháp luật buộc các bị cáo phải biết mọi hành vi sử dụng hóa đơn không để kê khai khấu trừ thuế GTGT đều là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, trong thời gian từ tháng 3 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022, Mai Quốc Đ - Giám đốc Công ty CD1 và Nguyễn Thị Phương T - Kế toán Công ty CD1 (trụ sở tại Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) có hành vi sử dụng 30 hóa đơn GTGT không đối với chi phí nhân công và 41 hóa đơn GTGT không đối với chi phí nguyên vật liệu để kê khai khấu trừ thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ đầu vào năm 2022 cho công ty CD1, làm giảm số thuế GTGT phải nộp, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 2.098.170.505 đồng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây thất thoát đến nguồn thu ngân sách của Nhà nước (không có căn cứ xác định thiệt hại về thuế thu nhập doanh nghiệp). Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Hành vi của Mai Quốc Đ và Nguyễn Thị Phương T đã phạm tội “*Trốn thuế*” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự, cụ thể: “*1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 202, 250, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm: d) Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để hoạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền*

thuế được hoàn... 3. Phạm tội trốn thuế với số tiền 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 4.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi của Mai Quốc Đ và Nguyễn Thị Phương T gây thất thoát ngân sách của Nhà nước theo Kết luận giám định ngày 22-11-2024 và ngày 19-5-2025 của Chi cục Thuế khu vực XIV đã xác định có 01 hóa đơn GTGT số 42 ngày 10-2-2022 gây thiệt hại số tiền 118.362.880 đồng, các hóa đơn GTGT khác các bị cáo gây thất thoát thuế của Nhà nước có giá trị lớn nhất 71.092.676 đồng và giá trị nhỏ nhất 12.435.841 đồng. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo Đ và T không thuộc trường hợp *“Phạm tội 02 lần trở lên”* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt:

[4.1]. Đối với bị cáo Mai Quốc Đ: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông khởi tố vụ án nên có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Đ cung cấp *“Đơn xin xác nhận về việc đã hợp tác với Phòng Cảnh sát hình sự trong đấu tranh phòng chống tội phạm”*, tuy nhiên theo hướng dẫn tại khoản 8 Điều 2 Nghị quyết số: 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30-12-2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và mục 3 phần I Công văn số: 212/TANDTC-PC ngày 13-9-2019 của Tòa án nhân dân tối cao thì tình tiết *“Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án”* (là trường hợp người phạm tội có những hành vi, lời khai thể hiện sự hợp tác tích cực với cơ quan có trách nhiệm trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án, giúp các cơ quan này phát hiện thêm tội phạm mới hoặc đồng phạm mới), trường hợp của bị cáo không thỏa mãn điều kiện được áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, song cần áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Bên cạnh đó, bị cáo Đ cung cấp đơn xác nhận của chính quyền địa phương có nhiều đóng góp trong các hoạt động thiện nguyện, cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo Đ là phù hợp với chính sách pháp luật của Nhà nước ta hiện nay đối với việc phát triển kinh tế tư nhân.

[4.2]. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương T: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra sớm kết thúc vụ án; đã phối hợp với bị cáo Đ nộp tiền khắc phục thiệt hại cho Nhà nước; bản thân bị cáo chỉ là người làm thuê, chịu sự chỉ đạo và phụ thuộc vào bị cáo Đ; có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình (có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông ngày 19-6-2025), nội dung: Đã ly hôn năm 2019, hiện đang ở nhà thuê (nuôi 02 con sinh năm 2009 và sinh năm 2014); đang điều trị bệnh; tích cực tham gia các hoạt động thiện

nguyên. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; đồng thời áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T hình phạt tiền là hình phạt chính dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự là thỏa đáng.

[5]. Các nội dung liên quan đến vụ án:

[5.1]. Đối với hành vi của Lương Thị K và Nguyễn Đăng Th đã ký xác nhận theo yêu cầu của Nguyễn Thị Phương T vào một số chứng từ (phiếu chi tiền, phiếu nhập kho) liên quan đến các hóa đơn GTGT không của các Công ty (PHP, MC, NN, LL, LT, NKA, ST, M, AZ). Kết quả điều tra đã chứng minh các đối tượng này không có vai trò đồng phạm, không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lương Thị K và Nguyễn Đăng Th là phù hợp.

[5.2]. Đối với các cá nhân đứng tên Giám đốc, thành viên của các Công ty TT, HT, ĐK, M, HN, F, MC, NKA, LT, LL có hành vi hợp đồng thi công, mua bán hóa đơn với Công ty CD1. Song, kết quả điều tra đã chứng minh những người nêu trên bị đối tượng chưa xác minh được lý lịch sử dụng thông tin cá nhân trái phép để thực hiện hành vi trái pháp luật, không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm.

[5.3]. Đối tượng sử dụng trái phép thông tin của các cá nhân để thành lập các Công ty: OL, ĐK, TT, LG, PHP, TV, AZ, NN, ST, TQ đã xuất 71 hóa đơn GTGT không cho Công ty CD1 và Võ Tuấn D, Huỳnh Thanh T, Nguyễn Thị Chiêm L, Che Toàn L, Nguyễn Chí Tr là những người rút tiền từ tài khoản của các công ty xuất hóa đơn cho Công ty CD1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông áp dụng đầy đủ các biện pháp điều tra theo quy định của pháp luật nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của những đối tượng này (các bút lục số 1776, 1777, 1990). Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định tách hành vi, tài liệu liên quan đến hành vi “Mua bán trái phép hóa đơn” cho Công ty CD1, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật (bút lục số 3730) là phù hợp.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Công ty CD1 đã kê khai bổ sung, nộp khắc phục vào ngân sách Nhà nước số tiền gây thiệt hại về thuế GTGT là 2.098.170.505 đồng nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Các bị cáo Mai Quốc Đ và Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Mai Quốc Đ và Nguyễn Thị Phương T phạm tội “Trốn thuế”.

1.1. Áp dụng khoản 3 Điều 200; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Mai Quốc Đ 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

1.2. Áp dụng khoản 3 Điều 200; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Phương T 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Mai Quốc Đ và Nguyễn Thị Phương T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Lâm Đồng;
- CQCSĐT Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Các bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lương Đức Dương